

CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
TỈNH THANH HÓA

Số: 252/QĐ-THADS

Thanh Hóa, ngày 29 tháng 5 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai giao điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 496/QĐ-BTP ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành quy định phân cấp, ủy quyền quản lý tài chính, tài sản công, mua sắm hàng hóa, dịch vụ, đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin và đầu tư công thuộc Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 1188/QĐ-BTP ngày 05 tháng 05 năm 2026 của Bộ Tư pháp về việc giao điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Xét đề nghị của Kế toán trưởng HCSN- Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai giao điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh văn phòng, Kế toán trưởng HCSN và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Đăng trang TT điện tử;
- Lưu :VT, TCKT

**TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**



**Trần Văn Dũng**



Số: 1258/THADS-TCKT

Thanh Hóa, ngày 29 tháng 5 năm 2026

Kính gửi: **Cục Quản lý Thi hành án dân sự**

V/v báo cáo tình hình thực hiện công khai giao điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ Quyết định số 1188/QĐ-BTP ngày 05 tháng 05 năm 2026 của Bộ Tư pháp về việc giao điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa báo cáo tình hình thực hiện công khai giao điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa theo Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước. Chi tiết theo biểu sau:

| STT | Tên đơn vị           | Đơn vị đã thực hiện công khai dự toán ngân sách |                    |                |                     |                |                     |
|-----|----------------------|-------------------------------------------------|--------------------|----------------|---------------------|----------------|---------------------|
|     |                      | Nội dung                                        |                    | Hình thức      |                     | Thời gian      |                     |
|     |                      | Đúng nội dung                                   | Chưa đúng nội dung | Đúng hình thức | Chưa đúng hình thức | Đúng thời gian | Chưa đúng thời gian |
| 1   | THADS tỉnh Thanh Hóa | X                                               |                    | X              |                     | X              |                     |

Trên đây là báo cáo công khai giao điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, TCKT.

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**



**Trần Văn Dũng**





## CÔNG KHAI GIAO ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 252/QĐ-THADS ngày 29 / 5 /2026 của Thị hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

| STT        | Nội dung                                                                                        | Dự toán được giao |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| 1          | 2                                                                                               | 3                 |
| <b>A</b>   | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>                                              |                   |
| <b>I</b>   | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                                                                       |                   |
| 1          | Lệ phí                                                                                          |                   |
|            | Lệ phí...                                                                                       |                   |
|            | Lệ phí...                                                                                       |                   |
| 2          | Phí                                                                                             |                   |
|            | Phí                                                                                             |                   |
|            | Phí ...                                                                                         |                   |
| <b>II</b>  | <b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>                                                         |                   |
| <b>I</b>   | <b>Chi sự nghiệp.....</b>                                                                       |                   |
| a          | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                                               |                   |
| b          | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                                         |                   |
| <b>2</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                                                                   |                   |
| a          | Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ                                                           |                   |
| b          | Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ                                                     |                   |
| <b>III</b> | <b>Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số</b>                     |                   |
| 1          | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ                                                  |                   |
|            | Lệ phí...                                                                                       |                   |
|            | Lệ phí...                                                                                       |                   |
| 2          | Phí                                                                                             |                   |
|            | Phí                                                                                             |                   |
|            | Phí ...                                                                                         |                   |
| <b>B</b>   | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>                                                           | 9                 |
| <b>I</b>   | <b>Nguồn ngân sách trong nước</b>                                                               | 9                 |
| <b>1</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                                                                   |                   |
| 1.1        | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                                                                |                   |
| 1.2        | Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ                                                     |                   |
| <b>2</b>   | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>                                                      |                   |
| 2.1        | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ                                                  |                   |
|            | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ       |                   |
|            | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ |                   |
| 2.2        | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                                               |                   |
| 2.3        | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                                         |                   |
|            | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo                                                 |                   |
|            | - Nhiệm vụ chuyển đổi số                                                                        |                   |
| <b>3</b>   | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo</b>                                                          | 9                 |
| 3.1        | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                                               |                   |
| 3.2        | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                                         | 9                 |
| <b>4</b>   | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>                                                   |                   |
| 4.1        | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                                               |                   |
| 4.2        | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                                         |                   |
| <b>5</b>   | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                                                                       |                   |
| 5.1        | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                                               |                   |
| 5.2        | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                                         |                   |



| STT        | Nội dung                                                                    | Dự toán được giao |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| 1          | 2                                                                           | 3                 |
| <b>6</b>   | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                                                |                   |
| 6.1        | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                           |                   |
| 6.2        | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                     |                   |
| <b>7</b>   | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                                      |                   |
| 7.1        | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                           |                   |
| 7.2        | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                     |                   |
| <b>8</b>   | <b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>                                      |                   |
| 8.1        | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                           |                   |
| 8.2        | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                     |                   |
| <b>9</b>   | <b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>                     |                   |
| 9.1        | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                           |                   |
| 9.2        | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                     |                   |
| <b>10</b>  | <b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>                                       |                   |
| 10.1       | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                           |                   |
| 10.2       | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                     |                   |
| <b>II</b>  | <b>Nguồn vốn viện trợ</b>                                                   |                   |
| <b>1</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                                               |                   |
| 1.1        | Dự án A                                                                     |                   |
| 1.2        | Dự án B                                                                     |                   |
| <b>2</b>   | <b>Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số</b> |                   |
| 2.1        | Dự án A                                                                     |                   |
| 2.2        | Dự án B                                                                     |                   |
| <b>3</b>   | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>                          |                   |
| 3.1        | Dự án A                                                                     |                   |
| 3.2        | Dự án B                                                                     |                   |
| <b>4</b>   | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>                               |                   |
| 4.1        | Dự án A                                                                     |                   |
| 4.2        | Dự án B                                                                     |                   |
| <b>5</b>   | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                                                   |                   |
| 5.1        | Dự án A                                                                     |                   |
| 5.2        | Dự án B                                                                     |                   |
| <b>6</b>   | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                                                |                   |
| 6.1        | Dự án A                                                                     |                   |
| 6.2        | Dự án B                                                                     |                   |
| <b>7</b>   | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                                      |                   |
| 7.1        | Dự án A                                                                     |                   |
| 7.2        | Dự án B                                                                     |                   |
| <b>8</b>   | <b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>                                      |                   |
| 8.1        | Dự án A                                                                     |                   |
| 8.2        | Dự án B                                                                     |                   |
| <b>9</b>   | <b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>                     |                   |
| 9.1        | Dự án A                                                                     |                   |
| 9.2        | Dự án B                                                                     |                   |
| <b>10</b>  | <b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>                                       |                   |
| 10.1       | Dự án A                                                                     |                   |
| 10.2       | Dự án B                                                                     |                   |
| <b>III</b> | <b>Nguồn vay nợ nước ngoài</b>                                              |                   |
| <b>1</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                                               |                   |
| 1.1        | Dự án A                                                                     |                   |
| 1.2        | Dự án B                                                                     |                   |
| <b>2</b>   | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>                                  |                   |
| 2.1        | Dự án A                                                                     |                   |
| 2.2        | Dự án B                                                                     |                   |

| STT       | Nội dung                                                | Dự toán được giao |
|-----------|---------------------------------------------------------|-------------------|
| 1         | 2                                                       | 3                 |
| <b>3</b>  | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>      |                   |
| 3.1       | Dự án A                                                 |                   |
| 3.2       | Dự án B                                                 |                   |
| <b>4</b>  | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>           |                   |
| 4.1       | Dự án A                                                 |                   |
| 4.2       | Dự án B                                                 |                   |
| <b>5</b>  | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                               |                   |
| 5.1       | Dự án A                                                 |                   |
| 2.2       | Dự án B                                                 |                   |
| <b>6</b>  | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                            |                   |
| 6.1       | Dự án A                                                 |                   |
| 6.2       | Dự án B                                                 |                   |
| <b>7</b>  | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                  |                   |
| 7.1       | Dự án A                                                 |                   |
| 7.2       | Dự án B                                                 |                   |
| <b>8</b>  | <b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>                  |                   |
| 8.1       | Dự án A                                                 |                   |
| 8.2       | Dự án B                                                 |                   |
| <b>9</b>  | <b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b> |                   |
| 9.1       | Dự án A                                                 |                   |
| 9.2       | Dự án B                                                 |                   |
| <b>10</b> | <b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>                   |                   |
| 10.1      | Dự án A                                                 |                   |
| 10.2      | Dự án B                                                 |                   |



